

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-10-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 1992; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Ấp AQ, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Lê Trúc G, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Lê Trúc G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng còn tình cảm với vợ cũ dẫn đến vợ chồng gây gổ với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Hồng T, sinh ngày 26-10-2013, hiện đang sống với anh G. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh G. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Trúc G trình bày:

Anh xác nhận anh và chị N chung sống vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do gia đình kinh tế khó khăn nên vợ chồng gây gổ với nhau. Do đó, chị N bỏ nhà đi từ tháng 02/2018 cho đến nay.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung: Anh yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh G.

Về con chung: Giao anh G tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh G không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP nên được

thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, chị N và anh G phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mất lòng tin lẫn nhau về chuyện tình cảm. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh G đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị N và anh G có 01 con chung tên Lê Thị Hồng T, sinh ngày 26-10-2013, hiện đang sống với anh G. Sau khi ly hôn, chị N, anh G yêu cầu tiếp tục nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T do chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tháng 8/2018, anh G rước cháu T về nhà bên nội chơi và không đưa cháu T về. Ngoài ra, cháu T là gái cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Xét điều kiện chăm sóc con chung của chị N đảm bảo hơn anh G. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh G giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 700.000 đồng.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kim N đối với anh Lê Trúc G.

Chị Phạm Thị Kim N được ly hôn Lê Trúc G.

2. Về con chung: Buộc anh G giao cháu Lê Thị Hồng T, sinh ngày 26-10-2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trúc mỗi tháng 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trúc đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016283 ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với anh G vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm